

Phụ lục 3
SO SÁNH NHÂN LỰC Y TẾ TẠI TRẠM Y TẾ CẤP XÃ TRƯỚC VÀ SAU KHI THỰC HIỆN MÔ HÌNH
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Trước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp	Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp	Tăng/Giảm	Tỷ lệ %
	<i>I. Tổ chức mạng lưới Trạm Y tế xã</i>				
1.	Số đơn vị hành chính cấp xã	373	135	-238	-63,81%
2.	Số Trạm Y tế cấp xã	373	135	-238	-63,81%
3.	Số điểm y tế	373	369	-4	-1,07%
4.	Dân số phục vụ	3.182.652	3.182.652		
	<i>II. Nhân lực y tế</i>				
1.	Tổng số nhân lực (viên chức)	2262	2346	84	3,71%
2.	Bác sĩ	283	282	-1	-0,35%
3.	Y sĩ	517	497	-20	-3,87%
4.	Điều dưỡng	506	547	41	8,10%
5.	Hộ sinh	363	343	-20	-5,51%
6.	Dược sĩ	235	265	30	12,77%
7.	Nhân viên y tế thôn, bản	1675	1648	-27	-1,61%
8.	Cộng tác viên dân số	2533	3185	652	25,74%
9.	Nhân lực khác	358	412	54	15,08%
10.	Số nhân lực nghỉ việc/chuyển công tác	21	29	8	38,10%

11.	Số nhân lực nghỉ hưu	26	29	3	11,54%
12.	Số nhân lực được tuyển mới	14	113	99	707,14%
III. Mức độ đáp ứng					
1.	Trạm Y tế có bác sĩ	273	131	-142	
2.	Tỷ lệ Trạm có bác sĩ (%)	73,19%	97,04%	+ 23,85%	
3.	Tỷ lệ Trạm không có bác sĩ (%)	26,81%	2,96%	-23,85%	
4.	Trạm bảo đảm định mức nhân lực	122	23	-99	
5.	Tỷ lệ Trạm bảo đảm định mức (%)	32,71%	17,03%	-15,68%	
6.	Nhu cầu nhân lực còn thiếu	578	494	-84	
IV. Chỉ tiêu bình quân					
1.	Dân số bình quân/Trạm	9.718 người/trạm	26.852 người/trạm		
2.	Nhân lực bình quân/Trạm	6,2 người/trạm	17,4 người/trạm		
3.	Bác sĩ bình quân/Trạm	0,75 người/trạm	2,1 người/trạm		
4.	Số điểm y tế bình quân/Trạm	1 điểm/trạm	2,73 điểm/trạm		

